

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu Vân

Bà Nguyễn Hà Quế Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Học – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông La Minh Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Dương Tường V**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp A, xã N, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Cam Vinh D**, sinh năm 1993; Quốc tịch: Hoa Kỳ.

Địa chỉ: B Highway, A, Mo. 65270 USA.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Dương Tường V trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2016 ngày 20/01/2016. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó chị và anh D không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm nên anh D không thường xuyên về Việt Nam, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không hạnh phúc. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có lời khai.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị V và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp do anh chị tự nguyện tìm hiểu, chung sống có đăng ký kết hôn năm 2016 nên được pháp luật thừa nhận bảo vệ.

Theo chị V trình bày, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên một thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Từ đó, anh D sống ở Hoa Kỳ không thấy quay về nữa, lần cuối anh đi về Việt Nam là từ tháng 10/2018. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được và tình cảm vợ chồng không còn nên chị V làm đơn xin ly hôn. Trong quá trình TAND tỉnh Đồng Nai thực hiện ủy thác tư pháp thông báo cho anh D biết vụ kiện ly hôn giữa anh và chị V nhưng đến nay vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi bằng văn bản từ phía anh D, điều đó cho thấy anh D không còn muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng này, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị V là có cơ sở.

+ Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị V trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: Chị V phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị V khởi kiện xin ly hôn anh D, anh D đang sinh sống tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D đã được tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua việc thực hiện ủy thác tư pháp cho Cơ quan có thẩm quyền của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, nhưng đến nay chưa nhận được văn bản trả lời của anh D nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238, khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh D xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh

Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 01/2016 theo đăng ký ngày 20/01/2016, là hôn nhân hợp pháp nên chị V được quyền xin ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Theo chị V trình bày, sau khi kết hôn thì cả hai phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng không còn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp thông báo cho anh D biết vụ kiện ly hôn giữa anh và chị V nhưng đến nay vẫn chưa nhận được ý kiến phản hồi bằng văn bản từ phía anh D, điều đó cho thấy anh D không còn muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng này. Do vậy, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị V và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị V, cho ly hôn giữa chị V và anh D.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị V trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 37, 147, 227, 228, 238, 469, 470, 474 và 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 123, 124 và 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Tường V đối với anh Cam Vinh D.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Dương Tường V và anh Cam Vinh D.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2016 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp theo đăng ký ngày 20/01/2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Chị Dương Tường V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002438 ngày 11/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Chị V đã nộp đủ án phí.

3. Chị Dương Tường V được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm ngày) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Anh Cam Vinh D được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trung Hưng